

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **06/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 13/3/2023
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN
GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tám

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp A1, xã A2, huyện A3, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh B, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp B1, xã B2, thị xã B3, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có đơn xin vắng mặt, anh B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh B do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, chị và anh B tổ chức đám cưới vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A2, huyện A3, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 130 ngày 27/10/2015. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến khoảng mừng 8 tết âm lịch năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, anh B thường hay ghen vô cớ, có những lời lẽ xúc phạm, đe dọa chị. Trước đây chị

có nộp đơn ly hôn với anh B ngày 24/10/2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, nhưng anh B năn nĩ và có làm tờ cam kết hứa sẽ sửa đổi để vợ chồng hàn gắn nên chị rút đơn vào ngày 10/11/2022 và Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án. Nhưng từ khi rút đơn đến nay thì anh Hoài vẫn không thay đổi. Chị và anh B đã ly thân từ khoảng tháng 10/2022 cho đến nay, không còn sống chung và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ 10/2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

Về con chung: có 01 con chung tên C, sinh ngày 30/5/2019. Khi ly hôn chị A yêu cầu nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị A về thời gian kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị A yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con. Anh không có biện pháp nào để vợ chồng hàn gắn lại, anh chỉ năn nĩ chị A cho anh thời gian để anh từ từ sửa đổi lại tánh tình.

Về con chung: có 01 con chung như chị A trình bày là đúng. Khi ly hôn anh đồng ý để chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/01 tháng/01 con chung cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, bị đơn anh B có hộ khẩu thường trú tại ấp B1, xã B2, thị xã B3, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị A và anh B tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A2, huyện A3, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 130 ngày 27/10/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị A và anh B cũng thống nhất là vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến khoảng mừng 8 tết âm lịch năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, anh B thường hay ghen vô cớ, có những lời lẽ xúc phạm, đe dọa chị. Chị và anh B đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ 10/2022 cho đến nay. Hơn nữa, từ khi chị A nộp đơn xin ly hôn với anh B cho đến nay thì chị A, anh B cũng không hòa giải hàn gắn được, quan hệ hôn nhân giữa chị A, anh B vẫn không được cải thiện. Hiện chị A và anh B đã sống ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng, mạnh ai nấy sống không quan tâm gì nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình giải quyết vụ án chị A trình bày không còn tình cảm gì đối với anh B, anh B trình bày hiện vợ chồng cũng không có quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Mặc dù, Tòa án đã động viên phân tích, hòa giải nhưng chị A khẳng định không còn tình cảm gì với anh B nữa, không muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ lại mà vẫn kiên quyết ly hôn. Anh B không đồng ý ly hôn nhưng anh B không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ lại. Hơn nữa, trước đây chị A có nộp đơn xin ly hôn với anh B nhưng do anh B năn nỉ nên chị đã rút lại đơn kiện, anh B cũng có làm bản cam kết đề ngày 10/11/2022, nhưng từ khi chị A rút đơn về sống chung thì anh B vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên C, sinh ngày 30/5/2019. Chị A và anh B thống nhất giao cháu Thiện cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu C thành niên và có khả năng lao động. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu Thiện nên giao cháu C cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu thiện thành niên và có khả năng lao động; anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: chị A và anh B thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị A và anh B thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 30/5/2019 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 03 năm 2023 cho đến khi cháu C thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai số 0018270 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy. Nên chị A còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Thoa

